

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **05/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 17/3/2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP - BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàn Kiếm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Di
2. Bà Trần Thị Hà

Thư ký phiên tòa: Ông Hán Tấn Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa, Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 225/2021/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2021 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXX-HNGĐ, ngày 11 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐ-HPT, ngày 28 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1988; Địa chỉ: thôn VH, xã VH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị Ngọc O, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn VH, xã VH, huyện TP, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 14 tháng 6 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Th (gọi tắt là ông Th) trình bày: Ông và bà Bùi Thị Ngọc O (gọi tắt là bà O) xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện TP

Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian dài, nhưng đến thời gian cách

đây vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, ông và bà O đã ly thân nhau hơn một năm nay.

Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà O.

Về con chung: Ông và bà O có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Nhã T, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2014, cháu T đang ở với ông. Ông yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con.

Ông làm công nhân của Công ty đường sắt Thuận Hải, lương hàng tháng của ông là 5.316.500 đồng, đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu T.

Bị đơn bà Bùi Thị Ngọc O không chịu nhận giấy triệu tập của Tòa án và không đến Tòa án làm việc nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về hôn nhân, ông Th được ly hôn bà O; về con chung: giao cháu T cho ông Th nuôi dưỡng, ông Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nghĩa vụ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà O; giao con chung giữa ông với bà O là cháu T cho ông trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, ông không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đây là vụ kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà O đang cư trú tại huyện TP nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện TP theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng: Do bà O không chịu nhận giấy triệu tập để đến Tòa án làm việc nên Tòa án tiến hành lập biên bản và niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại Điều 179, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt bà O theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Về pháp luật được áp dụng để giải quyết: Ông Th và bà O xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 22 tháng 4 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã VH nên là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, căn cứ vào Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

4. Về yêu cầu khởi kiện của ông Th: Ông Th yêu cầu ly hôn bà O với lý do vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, đã ly thân nhau hơn

một năm nay. Lời trình bày của ông Th phù hợp với nội dung Tòa án xác minh tại thôn nơi ông bà sinh sống, điều đó thể hiện ông, bà đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Th đối với bà O

Về con chung: Ông Th và bà O có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Nhã T, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2014, cháu T đang ở với ông Th. Ông Th yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với tình hình thực tế của cháu T nên chấp nhận; ông Th không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Ông Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông Th đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nên không hoàn lại cho ông tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của ông Nguyễn Hữu Th đối với bà Bùi Thị Ngọc O; Ông Nguyễn Hữu Th được ly hôn bà Bùi Thị Ngọc O; Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân xã VH, không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Ông Nguyễn Hữu Th và bà Bùi Thị Ngọc O có 01 con chung tên Nguyễn Thanh Nhã T, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2014, cháu Nguyễn Thanh Nhã T đang ở với ông Nguyễn Hữu Th

Giao cho ông Nguyễn Hữu Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thanh Nhã T cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi. Ông Nguyễn Hữu Th không yêu cầu bà Bùi Thị Ngọc O cấp dưỡng nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi do các bên tự thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Ông Nguyễn Hữu Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, ông Nguyễn Hữu Th đã tạm nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0003081, ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TP nên không hoàn lại cho ông Nguyễn Hữu Th số tiền này

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Th có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể ngày tuyên án. Bị đơn bà Bùi Thị Ngọc O vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS ND (Tỉnh + Huyện);
- Tòa án ND Tỉnh BT;
- Các đương sự;
- THA Huyện;
- UBND xã VH;
- Lưu HS.

Hồ Hoàn Kiếm